

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/2026/DS-ST**

Ngày: 31 – 3 - 2026

V/v tranh chấp “hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn – ông Trần Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp “hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2026/QĐST – DS ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tô Văn D, sinh năm 1972; địa chỉ: 1 ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tô Văn D: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979; địa chỉ: 5 ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1969; địa chỉ: 1 ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, văn bản nêu ý kiến và xin vắng mặt, trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tô Văn D – ông Nguyễn Văn C trình bày:

Từ khoảng tháng 9 năm 2019 ông D và ông N có thỏa thuận thực hiện giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm theo đó ông D bán thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông N nuôi tôm. Và có thỏa thuận đến cuối vụ nuôi tôm ông N phải thanh toán dứt điểm công nợ cho ông D.

Trong quá trình giao dịch mua bán, ông N không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ và khi hai bên ngưng giao dịch mua bán thì chốt số tiền ông N còn nợ ông D là 429.536.000 đồng. Ông D có lập Giấy nhận nợ ngày 19/4/2024 xác định số tiền ông N còn nợ ông D là 429.536.000 đồng. Ông N có ký và ghi rõ vào mục “người nợ” trong biên nhận nợ ngày 19/4/2024. Mặc dù sau đó ông D đã nhiều lần yêu cầu ông N thanh toán nhưng ông N chỉ hứa hẹn không chịu thanh toán.

Nay ông D yêu cầu ông N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 429.536.000 đồng, không yêu cầu ông N phải trả tiền lãi.

Bị đơn ông Lê Văn N vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn D yêu cầu bị đơn ông Lê Văn N trả tiền mua thức ăn nuôi tôm nên xác định đây là “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lê Văn N cư trú tại xã T, tỉnh Vĩnh Long nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

[3] Về tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tô Văn D – ông Nguyễn Văn C có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn ông Tô Văn D yêu cầu bị đơn ông Lê Văn N có nghĩa vụ trả số tiền đã mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 429.536.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[5] Về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình khởi kiện, nguyên đơn có cung cấp các tài liệu, chứng cứ là văn bản có tiêu đề Giấy nhận nợ ngày 19/4/2024, ở mục “người nợ” có chữ ký (dạng chữ viết) và chữ viết “Nói – Lê Văn N”. Theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tô Văn D – ông Nguyễn Văn C xác định đây là chữ ký

của bị đơn ông Lê Văn N. Đối với bị đơn ông N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản sao Đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp trong đó có bản sao chụp Giấy nhận nợ đề ngày 19/4/2024; ông N đã được triệu tập hợp lệ để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng bị đơn ông N vẫn vắng mặt không có lý do, không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đây là chứng cứ làm căn cứ xác định giữa nguyên đơn ông Tô Văn D và bị đơn ông Lê Văn N có xác lập, thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và xác định số tiền bị đơn ông N còn nợ ông D là 429.536.000 đồng.

Xét hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông D với bị đơn ông N được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn ông D cho rằng bị đơn ông N đã vi phạm hợp đồng, không trả tiền mua thức ăn nuôi tôm trong thời gian dài làm ảnh hưởng, quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên ông D khởi kiện yêu cầu ông N phải trả số tiền 429.536.000 đồng, bị đơn ông N không có ý kiến phản đối. Do đó cần buộc bị đơn ông Lê Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Tô Văn D số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 429.536.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự. Ông D không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244; các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn D đối với bị đơn ông Lê Văn N. Buộc ông Lê Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Tô Văn D số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 429.536.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Lê Văn N có nghĩa vụ chịu 21.181.440 đồng.

- Ông Tô Văn D được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.590.000 đồng theo biên lai thu số 0005827 ngày 15/10/2025.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Cẩm Nhung

